

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ,
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 562/QĐ-HVCSPT ngày 16 tháng 7 năm
2019 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kinh tế

Tên tiếng Anh: Economics

- Mã số ngành đào tạo: 7310101

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế

Tiếng Anh: Bachelor in Economics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Chính sách công, Học viện Chính sách và Phát triển

1.2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân đại học về Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, quản lý trong khu vực công và khu vực tư; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

(2.1) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và quản lý công được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị kinh doanh và kinh tế học hiện đại; có kiến thức rộng về lý luận và thực tiễn của kinh tế thị trường;

có khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hiện nay.

(2.2) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công có năng lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc trong chuyên môn.

(2.3) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và quản lý công có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

(2.4) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại: các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương cho đến địa phương, liên quan đến nghiệp vụ hành chính, tài chính công, đầu tư, quản lý nhà nước về kinh tế; các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, liên quan đến nghiệp vụ văn phòng, quản lý nhân sự, tài chính, dự án đầu tư; các trường đại học, viện nghiên cứu, các trường cao đẳng và trung học chuyên nghiệp trong nghiên cứu, trợ giảng và giảng dạy về kinh tế, quản lý.

(2.5) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

1.3. Thông tin tuyển sinh

1.3.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh có đủ các điều kiện theo quy định của Điều 6 Quy chế tuyển sinh năm 2018 (kèm theo thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 1/3/2018) và đáp ứng các yêu cầu của Học viện được quyền ĐKXT.

1.3.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1.3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

- Xét tuyển thẳng: theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2019: Xét tuyển theo ngành, xét từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự nguyện vọng. Cụ thể: (i)

Học viện xét tuyển đối với từng ngành theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; (ii) Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, sử dụng môn Toán làm tiêu chí phụ trong trường hợp có nhiều thí sinh cùng mức điểm xét tuyển; (iii) Kết thúc xét tuyển đợt 1 nếu còn chỉ tiêu, Học viện xét tuyển tiếp đợt bổ sung theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển kết hợp: xét theo hồ sơ dự tuyển, chỉ tiêu xét tuyển chiếm không quá 20% chỉ tiêu mỗi ngành và tổng chỉ tiêu toàn Học viện. Cụ thể các đối tượng như sau: (i) Thí sinh có 3 môn/bài thi THPTQG năm 2019, trong đó có bài thi môn Toán và 02 môn/bài thi trong tổ hợp xét tuyển của Học viện đạt 18,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên); (ii) Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên (hoặc tương đương) và có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 01 môn bất kỳ (trừ môn Tiếng Anh) đạt từ 12,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên).

1.3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu xét tuyển
1.Kinh tế: Gồm 04 chuyên ngành - Kinh tế và quản lý công; - Đầu tư; - Đấu thầu và quản lý dự án; - Phân tích dữ liệu lớn trong Kinh tế và Kinh doanh.	7310101	240

1.3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Căn cứ trên ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện xây dựng phương án xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Ghi chú
Kinh tế	7310101	1/Toán, Vật Lý, Hóa học 2/Toán, Vật Lý, Tiếng Anh 3/Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh 4/Toán, Vật lý, Ngữ Văn	240	<i>Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; sử dụng môn Toán làm tiêu chí phụ</i>

1.3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển: Học viện xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển, nhóm ưu tiên, khu vực ưu tiên...thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Học phí thu đào tạo theo hình thức tín chỉ thu theo quy định hiện hành của nhà nước đối với trường đại học công lập.

1.3.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

1.4. Điều kiện nhập học

Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Kinh tế sẽ nhận được giấy báo nhập học của Học viện Chính sách và Phát triển, trong đó có ghi ngày giờ đến nhập học và một số giấy tờ, thông tin cần thiết phải chuẩn bị, cụ thể:

- i. Bản gốc Giấy chứng nhận Tốt nghiệp THPT năm 2019. Nếu thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2019 thì nộp bản sao công chứng Bằng Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- ii. Học bạ THPT (*Bản chính*).
- iii. Bản sao công chứng giấy khai sinh;

- iv. Các giấy tờ pháp lý để xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) như Thẻ thương binh của Bố/mẹ, Sổ thương binh của Bố/mẹ.... Nộp bản sao có công chứng;
- v. Giấy báo nhập học của Học viện Chính sách và Phát triển;
- vi. Sổ Đoàn, giấy chuyển sinh hoạt Đảng (nếu có);
- vii. Giấy chuyển nghĩa vụ quân sự (đối với sinh viên là nam giới) về ban chỉ huy quân sự Quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- viii. Bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (*02 bản*);
- ix. Bản sao sổ hộ khẩu;

Thông tin chi tiết hướng dẫn thủ tục nhập học cho sinh viên trúng tuyển vào Học viện Chính sách và Phát triển được công bố theo đường link:

http://apd.edu.vn/tin-tuc/-/asset_publisher/7p5mBgFRGTPq/content/huong-dan-lam-thu-tuc-nhap-hoc

PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Về kiến thức

a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b. Kiến thức chuyên sâu

6. Vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, đầu tư – kinh doanh.

7. Hiểu được vai trò của nhà kinh tế, xây dựng được các phương án sản xuất kinh doanh trong tương lai nhằm đem lại lợi ích cho xã hội và doanh nghiệp.

8. Hiểu và vận dụng vào thực tiễn các công cụ toán kinh tế, khoa học tự nhiên, kiến thức cơ bản về kinh tế; mối quan hệ giữa các yếu tố đầu vào trong kinh tế và quản lý, lựa chọn tối ưu nguồn lực cho phát triển cả trong khu vực công và khu vực tư.

9. Hiểu và vận dụng được kiến thức vào công việc thực tế tại cơ quan, có tư duy thay đổi và phù hợp với bối cảnh mới, đáp ứng bối cảnh, yêu cầu về lao động của tổ chức, cũng như nền kinh tế.

10. Có kiến thức và tư duy toàn cầu; nắm vững các quy luật của kinh tế; kinh tế thị trường và toàn cầu hóa; có đủ kiến thức để phục vụ quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến tới nền kinh tế thị trường.

11. Hiểu về các loại hình doanh nghiệp, quy trình hình thành, vận hành và phát triển; hiểu về quy trình làm việc, cách thức tổ chức, cũng như quy tắc ứng xử trong các cơ quan của khu vực công.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

12. Kỹ năng phân tích, xử lý tình huống: Vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách và pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế, đầu tư – kinh doanh, có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn.

13. Có kỹ năng làm việc độc lập: Khả năng tự học, và nghiên cứu khoa học độc lập, tư duy phản biện, tư duy hệ thống; có kỹ năng làm việc và tổ chức công việc theo nhóm.

14. Có kỹ năng tư vấn kinh tế, lập luận nghề nghiệp, phát hiện và phân tích độc lập các vấn đề liên quan đến kinh tế-xã hội.

2.2.2. Kỹ năng mềm

15. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tư vấn kinh tế, hùng biện, phản biện, tranh luận;

16. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

17. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

2.3. Về phẩm chất đạo đức

18. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

19. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật, có trách nhiệm trong công việc; có khả năng thích ứng trong môi trường nghề

nghiệp mang tính cạnh tranh và quốc tế. có ý thức tự rèn luyện và nâng cao năng lực chuyên môn..

2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

2.4.1. Vị trí việc làm chương trình đào tạo hướng tới

Cán bộ pháp lý, cán bộ quản trị trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước hoặc cơ quan tư như công ty luật hay văn phòng công chứng; nghiên cứu viên, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật; nghiên cứu, thực hành pháp luật tại các đơn vị dịch vụ tư vấn pháp luật, các tổ chức xã hội.

2.4.2. Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

- *Nhóm 1*, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương. Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kinh tế và quản lý công có khả năng đảm nhận các vị trí công tác văn phòng, hành chính liên quan đến: hành chính công; quản lý dự án, kế hoạch đầu tư; tài chính công; quản lý nhà nước về tài nguyên...; có khả năng tham mưu, tư vấn chính sách cho cơ quan; có kiến thức, năng lực phát triển trở thành cán bộ quản lý cấp cao về đầu tư.

Nhóm 2, nghiên cứu viên và giảng viên: Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: giảng dạy các môn liên quan đến kinh tế học, kinh tế đầu tư; Thẩm định dự án, quản lý dự án, phân tích kỹ thuật. Nghiên cứu, tư vấn về kinh tế và đầu tư; triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, giảng viên và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở nghiên cứu.

Nhóm 3, nhân viên trong khu vực doanh nghiệp: Có khả năng triển khai các hoạt động quản trị tài chính, đầu tư dự án, đầu tư tài chính tại các các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế.

2.5. Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CDR của CTĐT:

CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và quản lý công năm 2019 được xây dựng trên cơ sở so sánh, tham khảo CTĐT trong nước và quốc tế, như: Đại học Nội vụ, Đại học văn hóa Hà Nội, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội, Đại học Hòa Bình, Học viện báo chí – tuyên truyền. Khu vực phía Nam, như: Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh...

Trên thế giới, cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và quản lý công trong số ít trường đào tạo ở nước ngoài hướng đến mục tiêu tích hợp thêm kiến thức thuộc kinh tế, quản lý nhằm tăng thêm khả năng tìm kiếm việc làm của sinh viên, bởi vị trí việc làm ở khu vực công ngày càng bó hẹp, không dễ tìm kiếm việc làm. Tuy vậy, nghiên cứu chương trình chi tiết đào tạo của các trường đại học, như: Đại học Indiana tại Bloomington, Hoa Kỳ; Đại học chính sách công Lý Quang Diệu, Đại học Birmingham, Đại học Fulbright....

Thực tế, khó so sánh chương trình đào tạo ở các quốc gia phát triển và điều kiện Việt Nam, bởi có sự khác nhau về môi trường, nhu cầu thị trường lao động, và đặc biệt, đời sống ở các nước này cao hơn Việt Nam nhiều, do đó, tư duy nghề nghiệp cũng khác so với sinh viên Việt Nam. Ở Việt Nam, trong bối cảnh cầu lao động trong khu vực công đang bó hẹp bởi định hướng tinh giảm biên chế, tái cấu trúc bộ máy công vụ, thậm chí chế độ tiền lương, đãi ngộ của khu vực này kém hấp dẫn so với khu vực tư, khu vực đang ngày càng phát triển ở Việt Nam, bởi xu thế mở cửa nền kinh tế nước nhà, hội nhập toàn diện. Nói cách khác, nền kinh tế của Việt Nam đang được vận hành thực sự theo kinh tế thị trường, mà ở đó khu vực tư nhân chiếm tỷ lệ lớn nhất (cả về quy mô, đóng góp ngân sách nhà nước, việc làm).

Ngày nay, yêu cầu thị trường lao động cho khu vực tư ngày càng cao về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Lợi thế của chương trình kinh tế và quản lý công là cung cấp kiến thức về kinh tế, quản lý của cả 2 khu vực. Do đó, người học dễ dàng hình dung sự khác nhau trong quản lý về dự án, đầu thầu, tài

chính, hành chính ... do đó, khả năng xử lý sự vụ, xử lý tình huống cũng sẽ tốt hơn.

Chương trình cử nhân kinh tế, chuyên ngành kinh tế và quản lý công của Học viện Chính sách và Phát triển được thiết kế theo hướng tích hợp kiến thức kinh tế- quản lý của khu vực tư, trên cơ sở lợi thế đào tạo của trường về đầu tư, đầu thầu, tài chính. Bên cạnh đó, thiết kế tăng cường kiến thức về công nghệ thông tin ứng dụng, xử lý dữ liệu. Sẽ đáp ứng cao hơn nhu cầu khắt khe của thị trường lao động, cũng như nhu cầu đào tạo nghề nghiệp của sinh viên.

Tóm lại, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công năm 2019 được xây dựng trên cơ sở tham khảo chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kinh tế và ngành Quản lý công của một số trường đại học tiêu biểu trong nước và quốc tế, bên cạnh chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ phù hợp với quy định chung của Học viện Chính sách và phát triển, CTĐT chuyên ngành Kinh tế và quản lý công năm 2019 xây dựng thêm chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành này, với 11 chuẩn đầu ra về kiến thức, 6 chuẩn đầu ra về kỹ năng và 3 chuẩn đầu ra về thái độ.

PHẦN 3: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 129 tín chỉ (không bao gồm các học phần giáo dục thể chất và quốc phòng), trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 32%)
- Khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 29 tín chỉ (chiếm 22,5%)
- Khối kiến thức cơ sở ngành lựa chọn: 6 tín chỉ (chiếm 5%)
- Khối kiến thức ngành bắt buộc: 12 tín chỉ (chiếm 9%)
- Khối kiến thức ngành lựa chọn: 6 tín chỉ (chiếm 5%)
- Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 21 tín chỉ (chiếm 16%)
- Khối kiến thức chuyên ngành lựa chọn: 6 tín chỉ (chiếm 5%)
- Khối kiến thức tốt nghiệp: 10 tín chỉ (chiếm 8%)

3.2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Học kỳ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kỳ 2
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	Kỳ 3
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	Kỳ 2
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	Kỳ 3
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Kỳ 2
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Kỳ 3
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	Kỳ 1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Kỳ 4
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3	Kỳ 1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	Kỳ 2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	Kỳ 3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	Kỳ 4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	Kỳ 1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	Kỳ 1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	Kỳ 1
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Kỳ 1
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	Kỳ 2
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	Kỳ 1
	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	Kỳ 2
	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	Kỳ 3
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			78	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			35	
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc			29	
1	CSCS11	Chính sách công	3	Kỳ 5
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	Kỳ 4
3	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	Kỳ 3
4	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	Kỳ 5
5	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	Kỳ 3
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	Kỳ 3
7	QTMC02	Marketing căn bản	3	Kỳ 3
8	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	Kỳ 4
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	Kỳ 3
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	Kỳ 4
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn			6	
1	CSHC05	Hành chính công	2	Kỳ 6
2	QHMT08	Kinh tế môi trường	3	Kỳ 6
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	Kỳ 5
4	TCKH05	Kế toán tài chính	3	Kỳ 5

5	ĐNQT02	Kinh tế quốc tế	3	Kỳ 4
6	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp	3	Kỳ 5
7	TCTH26	Thuế	3	Kỳ 6
8	CSXH02	Xã hội học	3	Kỳ 2
9	QTHO06	Quản trị học	3	Kỳ 2
2.2. Kiến thức ngành			16	
2.2.1. Ngành bắt buộc			12	
1	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	Kỳ 4
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	Kỳ 5
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	Kỳ 3
4	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	Kỳ 4
2.2.2. Ngành tự chọn			4	
1	CSCT02	Chính trị học so sánh	3	Kỳ 6
2	CSQL13	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	Kỳ 6
3	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3	Kỳ 6
4	CSVH15	Văn hóa tổ chức	3	Kỳ 3
5	QTOB01	Hành vi tổ chức	3	Kỳ 3
6	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	Kỳ 7
2.3. Kiến thức chuyên ngành			27	
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc			21	
1	KHCO08	Đầu tư công	3	Kỳ 7
2	KHKT07	Kinh tế phát triển	3	Kỳ 7
3	CSMR08	Marketing dịch vụ công	3	Kỳ 7
4	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	Kỳ 6
5	CSQL11	Quản lý công	3	Kỳ 7
6	CSNL09	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công	3	Kỳ 7
7	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	Kỳ 7
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn			6	
1	CSPT11	Phân tích chính sách	3	Kỳ 6
2	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	Kỳ 7
3	CSTC14	Điều hành và quản lý tổ chức	3	Kỳ 5
4	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	Kỳ 5
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			10	Kỳ 8
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	Kỳ 8
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	Kỳ 8
TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC & Quốc phòng)			129	

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

3.1. Thực tập tốt nghiệp

Học phần giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn hoạt động kinh tế, kinh doanh, hoạt động quản lý nhà nước; kết hợp kiến thức thực tiễn với kiến thức

lý thuyết đã được trang bị. Sinh viên năm cuối sẽ trực tiếp làm việc tại các đơn vị thực tiễn trong 8 tuần và đạt các yêu cầu trong quy chế đào tạo của Học viện.

3.2. Quan hệ công chúng

Nội dung chính của môn học sẽ đi sâu vào việc tìm hiểu chức năng cơ bản của PR, các nhiệm vụ và vai trò của các chuyên gia PR trong việc xây dựng, duy trì và phát triển các mối quan hệ giữa cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và công chúng. Môn học cũng sẽ làm rõ các hoạt động chính của quan hệ công chúng cũng như quy trình thực hiện và các công việc của quan hệ công chúng; các công cụ chủ yếu của ngành PR; những vấn đề về đạo đức và pháp lý của người làm quan hệ công chúng đang gặp phải hiện nay

3.3. Điều hành và quản lý tổ chức

Nội dung chính của môn học sẽ giới thiệu các khái niệm văn hóa công sở và đạo đức công vụ, các yếu tố ảnh hưởng và liên quan đến các phạm trù này. Môn học cũng trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng xây dựng các bộ quy tắc ứng xử, thiết lập các giá trị văn hóa đạo đức trong một tổ chức. Ngoài ra, môn học còn giới thiệu các phương pháp thúc đẩy việc thực hành các giá trị văn hóa đạo đức trong đó chú trọng đến các giá trị văn hóa trong lãnh đạo điều hành khu vực công.

3.4. Thẩm định dự án đầu tư

Học phần Thẩm định Dự án Đầu tư trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm định dự án đầu tư bao gồm: Vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư; các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế- xã hội dự án. Đồng thời, học phần này cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà còn dự án đầu tư công.

3.5. Phân tích chính sách

Học phần cung cấp cách tiếp cận và phân tích một chính sách cụ thể, làm cơ sở cho việc sự tham gia vào phân tích chính sách ở Việt Nam, cũng như có thể tham gia vào khu vực doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ... Việc nắm vững các kiến thức tổng quan về phân tích chính sách, tiếp cận phân tích chính sách trên các góc độ, khía cạnh khác nhau và giải quyết bài toán hài hòa lợi ích giữa các đối tượng chính sách.

3.6. Quản lý tài chính công

Học phần Quản lý tài chính công trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác quản lý tài chính công, quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công, quản lý các quỹ ngoài ngân sách nhà nước, quản lý tài chính cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp, quản lý nợ công. Giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được tính hình quản lý tài chính công của thế giới cũng như tại Việt Nam. Đồng thời, giúp sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng cần thiết có thể thực hiện công việc quản lý tài chính công ngay sau khi ra trường, giúp cho công việc quản lý tài chính công đạt hiệu quả nhất.

3.7. Quản trị nhân lực

Môn học Quản trị nhân lực trang bị cho học viên các kiến thức chung về quản trị nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực trong khu vực công nhằm đảm bảo đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của đất nước. Đồng thời giúp học viên nắm được tác động và ràng buộc của các loại môi trường, luật pháp, công nghệ, cạnh tranh đối với việc hoạch định chiến lược quản trị nguồn nhân lực.

3.8. Quản lý công

Môn học giới thiệu các kiến thức về quản lý công, hệ thống thể chế, quy trình cấu trúc phát triển tổ chức trong khu vực công. Ngoài việc giới thiệu các nguyên tắc quản lý, điều hành và các thể chế, tiến trình quản lý công, môn học còn chỉ rõ những vấn đề đương đại, các thách thức và yêu cầu đối với công tác quản lý công mới. Môn học (gồm 3 phần, 9 chương) đã giới thiệu một cách khái quát về các kiến thức và kỹ năng cần có đối với công tác quản lý trong khu vực công. Một số kiến thức chuyên sâu như quản trị chiến lược

KVC, quản lý tài chính công hay quản lý dịch vụ công sẽ được thiết kế riêng và giới thiệu chi tiết ở các môn học chuyên ngành

3.9. Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô

Học phần Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, kỹ năng đánh giá, dự báo và phân tích các sự kiện kinh tế vĩ mô, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của học viên đối với quá trình xây dựng, thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước đang phát triển, và làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này.

3.10. Marketing dịch vụ công

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Hiểu được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh; Cung cấp kiến thức chuyên sâu về thiết kế và phát triển dịch vụ công; định giá, phân phối và truyền thông dịch vụ công, cũng như quản trị chất lượng dịch vụ công.

3.11. Kinh tế phát triển

Mục tiêu chủ yếu của học phần này là giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội cũng như các vấn đề về môi trường ở các nước đang phát triển. Học phần giúp sinh viên nắm bắt được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế (kinh

nghiệm của các nước và các nghiên cứu thực nghiệm) về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững.

3.12. Kinh tế công cộng

Học phần Kinh tế công cộng tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường và đối tượng nghiên cứu của môn học kinh tế công cộng; Chính phủ với vai trò phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội; Chính phủ với vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hoá; Lựa chọn công cộng; Các công cụ chính sách can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Phân tích chính sách chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế.

3.13. Hành vi tổ chức

Môn học Hành vi tổ chức nghiên cứu hành vi và những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của cá nhân; hành vi của nhóm người lao động và động thái của cả tổ chức nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong quản lý và sử dụng nguồn lực con người trong tổ chức. Kiến thức về hành vi tổ chức sẽ giúp các nhà quản lý lý giải một cách khoa học thực chất các vấn đề xảy ra trong tổ chức, hiểu rõ nguyên nhân của chúng và dự đoán được các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai. Trên cơ sở những hiểu biết về hành vi của người lao động, người quản lý có thể định hướng để những hành vi đó được thực hiện theo hướng có lợi cho tổ chức, giúp tổ chức đạt được những mục tiêu đã đề ra.

3.14. Văn hóa tổ chức

Nội dung chính của môn học sẽ giới thiệu các khái niệm văn hóa tổ chức và đạo đức công vụ, các yếu tố ảnh hưởng và liên quan đến các phạm trù này. Môn học cũng trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng xây dựng các bộ quy tắc ứng xử, thiết lập các giá trị văn hóa đạo đức trong một tổ chức. Ngoài ra,

môn học còn giới thiệu các phương pháp thúc đẩy việc thực hành các giá trị văn hóa đạo đức trong đó chú trọng đến các giá trị văn hóa trong lãnh đạo điều hành khu vực công.

3.15. Thị trường chứng khoán

Học phần gồm 10 chủ đề với các nội dung cơ bản về: Giới thiệu tổng quát về thị trường chứng khoán; phân loại chứng khoán; hoạt động của sở giao dịch chứng khoán; thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC); các thành viên tham gia thị trường chứng khoán; các nghiệp vụ chủ yếu của thị trường chứng khoán; hệ thống thông tin chứng khoán; phân tích chứng khoán; quản lý và giám sát thị trường chứng khoán.

3.16. Quản lý nhà nước về kinh tế

Môn học Quản lý nhà nước về kinh tế trang bị cho sinh viên các kiến thức lý luận chung, khái quát cơ bản và có tính hệ thống về việc Nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân nhằm đảm bảo đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước. Đồng thời giúp học viên nắm được những công cụ, nguyên tắc, bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế trước tác động môi trường trong xu thế hội nhập hiện nay. Môn học gồm bảy chương, chương 1 giới thiệu tổng quan về quản lý nhà nước về kinh tế, chương 2 giới thiệu về các quy luật và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế, chương 3 giới thiệu và công cụ và phương pháp quản lý của nhà nước về kinh tế, chương 4 nghiên cứu về mục tiêu và chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, chương 5 nghiên cứu về thông tin và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế, chương 6 nghiên cứu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế, chương 7 nghiên cứu về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế. Với mỗi chương trong học phần, sinh viên sẽ được cung cấp các khái niệm và những nội dung cơ bản liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế, cũng như phát triển năng lực tư duy về chiến lược, tư duy về quản lý kinh tế nói chung.

3.17. Chính trị học so sánh

Chính trị học so sánh nghiên cứu và so sánh những vấn đề chính trị xoay quanh thời gian và không gian - lịch đại và đương đại. Theo lịch đại, đơn vị so sánh là hệ thống chính trị của một quốc gia trong các giai đoạn khác nhau hoặc các chế độ chính trị từng tồn tại trong lịch sử. Theo đương đại, đơn vị so sánh là các quốc gia, khu vực trên thế giới; nội dung so sánh là các vấn đề, nội dung cụ thể như tư tưởng chính trị, thể chế chính trị, văn hóa chính trị, quan hệ chính trị...

3.18. Đầu tư công

Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính công, như: lý luận về đầu tư công và quản lý đầu tư công; nguồn vốn đầu tư công; quản lý và kế hoạch hóa đầu tư công; kết quả và hiệu quả đầu tư công; phương pháp lập dự án đầu tư công; thẩm định dự án đầu tư công; và đấu thầu công.

3.19. Pháp luật kinh tế

Học phần Pháp luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập đến những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.

3.20. Nguyên lý thống kê kinh tế

Học phần Nguyên lý thống kê kinh tế được xây dựng gồm 06 chương, trình bày về các vấn đề trong quá trình nghiên cứu thống kê như: Điều tra, phân tích, nghiên cứu các mức độ về số tương đối, số tuyệt đối, dãy số thời gian, chỉ số... Sau khi có được các số liệu thống kê, phải tiến hành trình bày được các số liệu trên bảng, biểu, đồ thị,... qua đó phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các số liệu thu thập được để dự báo cho tương lai.

3.21. Kinh tế lượng

Học phân trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản sau: Cơ sở lý luận xây dựng mô hình kinh tế lượng đối với các biến lượng và được mở rộng cho các biến chất; giải quyết các bài toán ước lượng và kiểm định liên quan; phát hiện và khắc phục các khuyết tật của các mô hình hồi quy.

3.22. Kinh tế đầu tư

Học phân cung cấp những kiến thức căn bản về hoạt động đầu tư phát triển để người học có thể vận dụng trong các quyết định đầu tư. Học phân tập trung vào các nội dung chính như: Khái niệm và bản chất của đầu tư; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và cách huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư; môi trường đầu tư; đầu tư công; phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư; đầu tư quốc tế; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp; quản lý đầu tư theo dự án.

3.23. Kế toán hành chính sự nghiệp

Môn học bao gồm các nội dung: Tổ chức công tác kế toán đơn vị sự nghiệp; Cơ chế quản lý tài chính đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp có thu; Kế toán tiếp nhận, phân phối, sử dụng, và quyết toán kinh phí hoạt động và kinh phí dự án; kế toán tiền lương và các khoản liên quan; Kế toán TSCĐ, nguyên vật liệu, và công cụ lao động; Kế toán các hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ trong đơn vị sự nghiệp; Nội dung và phương pháp lập báo cáo tài chính đơn vị sự nghiệp.

3.24. Xã hội học

Xã hội học là khoa học nghiên cứu các quy luật và xu hướng của sự phát sinh, phát triển và biến đổi của các hoạt động xã hội, các quan hệ xã hội, tương tác giữa các chủ thể xã hội cùng các hình thái biểu hiện của chúng. Nội dung khoa học của môn học là khái quát hoá những vấn đề lý luận cơ bản nhất về mối quan hệ hữu cơ, biện chứng, ảnh hưởng và tác động qua lại lẫn nhau giữa một bên là con người (cá nhân, nhóm) với một bên là xã hội (hệ thống xã hội hay cấu trúc xã hội), đồng thời chỉ ra các phương pháp nghiên cứu xã hội học, giúp cho người học có kỹ năng tổ chức và thực hiện các cuộc nghiên cứu xã hội một cách khoa học và có chất lượng cao, nhằm xây dựng

một xã hội ổn định và phát triển vì sự phồn vinh hạnh phúc của nhân dân. Hơn nữa, giúp cho sinh viên chủ động hành động cho phù hợp với yêu cầu và khai thác đời sống xã hội hàng ngày vào các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

3.25. Thuế

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thuế và các chính sách thuế hiện hành; Giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được hệ thống chính sách thuế của Việt Nam và các nước trên thế giới. Sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng cần thiết có thể thực hiện công việc liên quan đến thuế sau khi ra trường. Trong quá trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế.

3.26. Tài chính doanh nghiệp

Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức những kiến thức cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản: Tài sản cố định, tài sản lưu động. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư, cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp

3.27. Kinh tế quốc tế

Học phần giới thiệu và cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về nền kinh tế quốc tế và các quan hệ kinh tế quốc tế trong các lĩnh vực như thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, di chuyển lao động, thanh toán giữa các quốc gia cũng như một số vấn đề đang là tâm điểm quan tâm của toàn thế giới như môi trường, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công

nghe. Môn học này sẽ đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi về liên quan cấu trúc của nền kinh tế thế giới, sự tham gia của các quốc gia vào hoạt động kinh tế quốc tế, sự tác động qua lại giữa các chủ thể trong hoạt động kinh tế tâm vĩ mô.

3.28. Kế toán tài chính

Học phần Kế toán tài chính (Kế toán doanh nghiệp) là môn học cung cấp những kiến thức tổng hợp cũng như chi tiết về các phân hành kế toán theo chế độ kế toán hiện hành. Giúp sinh viên nắm vững kiến thức trong môn học này sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng làm việc trong lĩnh vực kế toán tài chính (nhân viên kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính...).

3.29. Địa lý Kinh tế

Học phần trang bị cho người học kiến thức để có thể trả lời được hai câu hỏi: Ở đâu và tại sao trong các hoạt động kinh tế. Học phần cũng giúp sinh viên nắm được một số đặc điểm kinh tế - xã hội của các khu vực tiêu biểu trên thế giới, từ đó bổ sung vốn hiểu biết cho sinh viên, giúp người học rèn luyện tư duy phân tích, phản biện, giải quyết các vấn đề tổng hợp và liên ngành.

3.30. Kinh tế môi trường

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản (cả lý luận và thực tiễn) và kỹ năng chủ yếu để giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; có thể đánh giá được những tác động (tích cực và tiêu cực) của các hoạt động phát triển (kinh tế và xã hội) đến môi trường và tiếp cận phân tích kinh tế của những tác động tới môi trường; giúp người học có thể tiếp cận với hoạch định chính sách và chiến lược phát triển, những phương thức quản lý môi trường hợp lý. Đồng thời tài liệu cũng giúp sinh viên nâng cao nhận thức về môi trường, về mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và phát triển từ đó có thái độ, hành vi ứng xử đúng đắn vì mục tiêu phát triển bền vững.

3.31. Đấu thầu mua sắm 1

Nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 06 chương bao quát những nội dung cơ bản về đấu thầu, lý luận chung về đấu thầu, những kiến thức chung về quản lý nhà nước về đấu thầu, pháp luật đấu thầu. Trang bị cho sinh viên kiến thức chung, cơ bản về đấu thầu, quản lý đấu thầu, nghiệp vụ đấu thầu (khái niệm, nội dung đấu thầu, quy trình đấu thầu, hợp đồng, các bên tham gia hoạt động đấu thầu, vai trò quản lý nhà nước về đấu thầu...). Giúp sinh viên có được những tri thức cơ bản nhất để bước đầu tiếp cận về các kiến thức trong lĩnh vực đấu thầu, đồng thời hình thành nền tảng kiến thức cơ bản để học tập nâng cao các môn học chuyên sâu trong lĩnh vực đấu thầu.

3.32. Quản trị học

Học phần Quản trị học cung cấp cho sinh viên về mặt lý thuyết, sinh viên hiểu được cách tiếp cận chiến lược, hệ thống, hội nhập và tình huống đối với các hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị; các yếu tố môi trường mà nhà quản trị phải đối mặt trong công việc; tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội và đạo đức trong quản trị; hiểu được các chức năng quản trị theo quá trình, bao gồm: Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Về mặt kỹ năng, thực hành, sinh viên xác định và phân tích được các yếu tố môi trường mà các nhà quản trị phải đối mặt trong công việc của họ; Có khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống và công việc; Có thể tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát đối với một hệ thống, tổ chức nhất định.

3.33. Nguyên lý kế toán

Học phần bao gồm 08 chương, với các nội dung cơ bản về: Lý thuyết hạch toán kế toán; đối tượng kế toán; phương pháp chứng từ kế toán; phương pháp tính giá; phương pháp tài khoản; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; phương pháp tổng hợp cân đối kế toán; bộ máy kế toán và hình thức kế toán. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, làm bài tập thực hành.

3.34. Lý thuyết tài chính tiền tệ

Học phần lý thuyết tài chính tiền tệ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, về hệ thống tài chính quốc gia cũng như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu những môn học chuyên ngành sau này. Học phần lý thuyết tài chính tiền tệ có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, quản lý tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế,

3.35. Kinh tế vĩ mô 2

Học phần Kinh tế vĩ mô 2 nghiên cứu hành vi của toàn thể nền kinh tế bao gồm: Sự tăng trưởng sản xuất và tiêu dùng; xu hướng của giá cả, lãi suất, tỷ giá, việc làm, tỷ lệ thất nghiệp và các yếu tố bên ngoài quốc gia có thể ảnh hưởng tới sự biến động của thị trường hàng hoá, đầu tư và tiền tệ trong nước. Môn học còn cho biết tác động của các chính sách tài khóa và tiền tệ của Chính phủ đối với sự ổn định của nền kinh tế. Môn học còn nghiên cứu tác động của các yếu tố nguồn lực sản xuất tới sản lượng trong dài hạn, cũng như các điều chỉnh ngắn hạn của cả nền kinh tế đối với các cú sốc bên trong và bên ngoài.

3.36. Hành chính công

Hành chính công là môn học nghiên cứu về nền hành chính nhà nước, những yếu tố cấu thành nên nền hành chính nhà nước cũng như cách thức mà những yếu tố này phối hợp với nhau để thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước của mình. Những nội dung của Hành chính công rất phong phú và đa dạng

3.37. Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh

Học phần trang bị kiến thức về phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh, trong đó trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và công nghệ thông tin; có kiến thức chuyên sâu về việc sử dụng công cụ phân tích dữ liệu lớn để giải quyết các vấn đề trong kinh tế và kinh doanh.

3.38. Chuyên đề thực tế

Học phần hỗ trợ sinh viên đi khảo sát thực tế, nắm bắt thực trạng các vấn đề cơ bản trong kinh doanh, chọn và trình bày, đánh giá thực trạng cũng như đề xuất giải pháp cho một vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên môn. Qua đó, rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, viết và trình bày báo cáo.

3.39. Chính sách công

Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức về chính sách công và mối quan hệ giữa chính sách công và các chuyên ngành học khác. Học phần cũng có tập trung rèn luyện kỹ năng viết và thảo luận hiệu quả với các chủ đề của chính sách công như: Chủ thể hoạt động chính sách công, công cụ chính sách công, hoạch định chính sách công, thực thi và đánh giá chính sách công...

3.40. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp vận dụng lý luận để giải các vấn đề đặt ra từ thực tiễn và phương pháp bổ sung làm mới lý luận từ tổng kết thực tiễn của Hồ Chí Minh, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ vận dụng sáng tạo lý luận, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, kỹ năng đánh giá, tổng kết thực tiễn. Đồng thời, Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

3.41. Triết học Mác-Lênin

Học phần trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật. Sinh viên kiến thức cơ bản về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cung cấp các lý luận về hàng hóa, tiền tệ, các quy luật chung về sự vận động của tư bản và các biểu hiện của giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư

bản độc quyền. Đồng thời, cũng cung cấp kiến thức về chủ nghĩa xã hội, lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3.42. Toán cao cấp

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản liên quan đến không gian véc tơ n -chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán về vectơ, ma trận, định thức và giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kỹ năng cho sinh viên biết vận dụng hệ phương trình tuyến tính để xây dựng một số mô hình kinh tế đơn giản, như mô hình cân bằng thị trường nhiều hàng hóa, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô. Sinh viên các các kiến thức cơ bản về giải tích toán học như hàm số, giới hạn, đạo hàm, vi phân, tích phân hàm số một biến. Sinh viên được trang bị những kiến thức về cực trị của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán tối ưu trong kinh tế. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị phương pháp giải phương trình vi phân cơ bản.

3.43. Tin học đại cương

Học phần cung cấp cho người học khả năng phân tích hệ thống thông tin nghiệp vụ liên quan trong nghề nghiệp tương lai nhằm tin học hóa các bài toán nghiệp vụ cũng như tham gia phát triển các dự án tin học hóa trong ngành tài chính – ngân hàng, chính sách công, tài chính công, quy hoạch phát triển, ...

3.44. Tiếng Anh cơ bản 1

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...; Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các

dạng của động từ “to be”, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.

3.45. Tiếng Anh cơ bản 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc; Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

3.46. Tiếng Anh cơ bản 3

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch... Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế. Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

3.47. Tiếng Anh cơ bản 4

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện. Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý. Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ

năng Đọc và Nghe. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.

3.48. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu. Học phần cũng giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.

3.49. Pháp luật đại cương

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự ...

3.50. Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và luật số lớn; Các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê. Qua đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức

của học phần làm cơ sở toán học để nghiên cứu, phân tích và xử lý số liệu trong phân tích kinh tế, tài chính.

3.51. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

3.52. Kinh tế vi mô 1

Học phần Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...

3.53. Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trong đó trước hết là làm rõ các thuật ngữ, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô

3.54. Kinh tế chính trị - Mác-Lênin

Trang bị cho sinh viên kiến thức về kinh tế dưới góc độ của khoa học Marx-Lenin, về bản chất, hiện tượng của các quá trình kinh tế có cơ sở giải quyết các mối liên hệ liên quan đến học thuyết chủ nghĩa Mác-Lenin, như về

hàng hóa, sản xuất hàng hóa và các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa (trong chủ nghĩa Tư bản); quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản mà cốt lõi là việc sản xuất giá trị thặng dư; sự vận động của tư bản cá biệt và tái sản xuất tư bản xã hội; các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

3.55. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Trang bị kiến thức cho sinh viên hiểu rõ về sự kế thừa những nhân tố tích cực của các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng trong lịch sử và những tinh hoa của nhân loại; quá trình ra đời lý thuyết khoa học về chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận hợp thành là triết học Mác - Lênin, kinh tế học chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học, trở thành một học thuyết khoa học và hoàn chỉnh, trở thành hệ tư tưởng khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân hiện đại, soi đường cho cách mạng xã hội chủ nghĩa giải phóng nhân loại khỏi chế độ tư hữu, áp bức bất công và nghèo nàn lạc hậu.

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1 Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Cố vấn học tập gặp mặt sinh viên đã nhập học, giới thiệu về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện. Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng hỗ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên. Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo như sau:

TT	Họ và tên	Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Ngô Phúc Hạnh	PGS.TS	Kinh tế	P.TK (phụ trách)
2	Phùng Thế Đông	TS	Kinh tế	P.TK
3	Nguyễn Nam Hải	TS	Kinh tế	GV
4	Nguyễn Thị Thu	ThS	Chính sách công	GV
5	Vũ Thị Tâm	ThS	Hành chính công	GV
6	Tường Thị Lan Anh	ThS	Kinh tế	TLK

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên Khoa Chính sách công được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Học viện, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, Câu lạc bộ nhạc cụ AIC, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD,... giúp sinh viên rèn

luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên, chương trình Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh thường niên, Chương trình vua bán hàng thường niên,... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động tìm kiếm các nhà tài trợ là các chủ doanh nghiệp cấp học bổng hoặc các khóa học ngắn hạn nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế, quản lý, dự án đầu tư, quản trị nhân sự....

3.4.3. Hoạt động NCKH sinh viên

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và tạo niềm đam mê nghiên cứu khoa học trong sinh viên, Khoa Chính sách công định kỳ tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên. Đầu năm học (năm 3), sinh viên đề xuất các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành đào tạo, thành viên nhóm nghiên cứu và giáo viên hướng dẫn. Trên cơ sở đề xuất này, Khoa sẽ phân công giáo viên hướng dẫn khoa học cho các nhóm nghiên cứu để triển khai, tổ chức tọa đàm và hội nghị nghiên cứu khoa học để các nhóm nghiên cứu của sinh viên báo cáo kết quả nghiên cứu của mình trước Hội đồng và các sinh viên tham dự Hội nghị. Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên của Khoa được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng, công khai nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình nghiên cứu.

PHẦN 4: MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
2.1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x									
2.2												x	x	x	x	x	x			
2.3																		x	x	
2.4						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
2.5																x	x			

4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Môn học	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1. Kiến thức giáo dục đại cương																					
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X							X	X							X	X	X	
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	X							X								X	X	X	
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1				X				X											
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1				X				X											
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X							X								X			
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			X		X														
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	X	X		X	X	X		X								X	X		
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X		X										X		X	X			
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1														X					
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2														X					
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3														X					
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4														X					
13	TOĐC06	Tin học đại cương															X				
14	TOCC05	Toán cao cấp			X																
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	X			X				X								X	X		
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X							X								X	X	X	
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng																	X	X	
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1																	X	X	

TT	Môn học	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2																		X	X
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3																		X	X
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																					
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																					
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc																					
1	CSCS11	Chính sách công	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X					X	X
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	X	X	X		X					X			X			X		X	
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh			X										X	X					
4	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1		X					X	X		X			X					X	X
5	QHĐL07	Địa lý Kinh tế		X					X												
6	TOKT05	Kinh tế lượng			X													X			
7	QTMC02	Marketing căn bản		X					X			X									
8	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ			X		X			X	X										
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán										X								X	X
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế			X													X			
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn																					
1	CSHC05	Hành chính công	X	X		X		X	X	X		X								X	X
2	QHMT08	Kinh tế môi trường		X					X												
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế		X		X	X	X	X	X		X			X	X				X	
4	TCKH05	Kế toán tài chính											X							X	X
5	ĐNQT02	Kinh tế quốc tế					X				X	X									

TT	Môn học	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
6	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp									X								X		
7	TCTH26	Thuế									X								X	X	
8	CSXH02	Xã hội học	X				X				X								X		
9	QTHO06	Quản trị học									X			X					X		
2.2. Kiến thức ngành																					
2.2.1. Ngành bắt buộc																					
1	KHCC06	Kinh tế công cộng					X		X		X										
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư					X		X	X									X		
3	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2			X		X			X	X										
4	KHMI03	Kinh tế vi mô 2			X		X			X	X										
2.2.2. Ngành tự chọn																					
1	CSCT02	Chính trị học so sánh	X	X				X											X	X	
2	CSQL13	Quản lý nhà nước về kinh tế	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X				X	X	
3	TCCK25	Thị trường chứng khoán		X			X	X	X		X								X		
4	CSVH15	Văn hóa tổ chức						X			X	X			X				X	X	
5	QTOB01	Hành vi tổ chức						X			X	X			X				X	X	
6	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp									X								X	X	
2.3. Kiến thức chuyên ngành																					
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc																					
1	KHCO08	Đầu tư công		X			X	X	X	X		X			X				X	X	
2	KHKT07	Kinh tế phát triển		X			X	X	X	X			X								
3	CSMR08	Marketing dịch vụ công		X				X	X			X	X					X	X		

TT	Môn học	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô		X	X	X				X	X				X			X			
5	CSQL11	Quản lý công		X		X	X	X	X	X	X	X				X			X	X	
6	CSNL09	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công								X		X				X			X	X	
7	TCCO21	Quản lý tài chính công		X						X					X	X			X		
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn																					
1	CSPT11	Phân tích chính sách		X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X			X	X	
2	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư		X					X	X					X				X	X	
3	CSTC14	Điều hành và quản lý tổ chức	X	X		X		X		X	X	X	X	X		X			X		X
4	QTCC01	Quan hệ công chúng	X					X	X			X	X			X			X	X	X
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

4.3. Ma trận phương pháp giảng dạy đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY	CHUẨN ĐẦU RA																		
	KIẾN THỨC										KỸ NĂNG							PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC	
	KT CƠ BẢN					KT CHUYÊN SÂU					KN NGHỀ NGHIỆP				KN MỀM				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1. Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x						x	x
2. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
3. Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Đi thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Làm bài tập			x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
7. Tiểu luận/ Bài tập lớn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8. Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Liên hệ thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10. Thực hiện mô phỏng						x	x	x	x	x							x	x	x

4.4. Ma trận phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CHUẨN ĐẦU RA																		
	KIẾN THỨC										KỸ NĂNG							PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC	
	KT CƠ BẢN					KT CHUYÊN SÂU					KN NGHỀ NGHIỆP				KN MỀM				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1. Điểm danh (mức độ chuyên cần)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							x	x	x
2. Thống kê số lần phát biểu (mức độ tích cực)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x
3. Kiểm tra nhanh (mức độ hiểu bài)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Tiểu luận/Bài tập lớn/ Bài tập nhóm (mức độ hiểu bài, khả năng tư duy logic, tổng hợp, khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc nhóm)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Thuyết trình (kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng nghe, đặt câu hỏi, phản biện vấn đề)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Mô phỏng, đóng vai (mức độ hiểu bài, hiểu biết chung về các vấn đề xã hội, các kỹ năng mềm, khả năng làm việc nhóm, tinh thần, thái độ)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7. Thi kết thúc học phần (mức độ hiểu bài, khả năng trình bày, sử dụng các công cụ để phân tích, tổng hợp, đánh giá, hiểu biết vấn đề kinh tế - xã hội)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1 Thời gian đào tạo

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

5.1.2 Cách thức thực hiện

Các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 32%), Kiến thức cơ sở ngành: 35 tín chỉ (chiếm 27%) được tập trung đào tạo trong 5 kỳ đầu tiên của khóa học. Các học phần thuộc kiến thức ngành: 16 tín chỉ (chiếm 12%); Kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ (21%) và khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ (5%) được tập trung vào kỳ 6, kỳ 7 và kỳ 8 của khóa học. Đồng thời, kỳ kiến tập giữa khóa cũng được bố trí vào giữa kỳ 5 và kỳ 6 của khóa học. Trong kỳ 8, sinh viên sẽ tham gia thực tập kiến thức và kỹ năng làm việc ở cơ sở thực tế (4 tín chỉ), viết khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ). Kết thúc 8 kỳ học, sinh viên có thể tích lũy đủ 129 tín chỉ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công

Chi tiết kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế ở Khung chương trình đào tạo.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.50 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định.
- Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học chính theo các tiêu chí sau:

- ⊙ Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học thuộc chương trình đào tạo (mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ

☉ Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học

☉ Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng kí học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt)

☉ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- Đánh giá kết quả học phần:

☉ Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ.....

☉ Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần

☉ Cách tính điểm học phần

≡ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.

≡ Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt)

- Cách tính điểm trung bình chung:

☉ Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0

A tương ứng với 3,7

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

☛ Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

a_i: là điểm của học phần thứ i

n_i: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các

học phân nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý trong khu vực công và tư.

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của sinh viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Bản hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kinh tế chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo chuẩn đầu ra đã tuyên bố, được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Năm học	Chuẩn đầu ra			Gợi ý cách thực hiện
	Kiến thức	Kỹ năng	Phẩm chất	
Năm thứ nhất	Các môn học thuộc khối kiến thức chung và tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học chuyên môn bằng trong các năm tiếp theo.	<p>Trang bị cho sinh viên khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, kỹ năng quản lý công việc và thời gian cá nhân hiệu quả.</p> <p>Sinh viên có thể nhận thức được các chính sách, chủ trương của nhà nước liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục quốc phòng an ninh</p> <p>Sinh viên có thể dùng thành thạo Microsoft Office, một số thiết bị văn phòng thông dụng, giao tiếp thành thạo bằng Tiếng Anh.</p>	Sinh viên được định hướng các phẩm chất nghề nghiệp như tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, trung thực, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng	<p>Phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Đặt-giải quyết vấn đề <p>Phương pháp học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp - Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. - Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học - Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học thông qua môn học; - Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài

				<p>tập trắc nghiệm liên quan.</p> <p>Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai....</p> <p>Tham gia guest speaker</p>
Năm thứ Hai	Các môn học thuộc khối kiến thức theo lĩnh vực và kiến thức theo khối ngành, cơ sở ngành	<p>Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích định tính, định lượng, xác định vấn đề ưu tiên; tư duy phân tích đa chiều.</p> <p>Sinh viên được trang bị các kỹ năng phối hợp làm việc trong các nhóm khác nhau; kỹ năng thuyết trình; đề xuất ý tưởng; giao tiếp qua email và các phương tiện truyền thông</p>	<p>Đam mê nghiên cứu và khám phá kiến thức.</p> <p>Tự tin làm việc trong môi trường quốc tế.</p> <p>Khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc</p>	<p>Phương pháp giảng dạy:</p> <p>Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học;</p> <p>Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.</p> <p>Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai....</p> <p>Tham gia guest speaker</p> <p>Phương pháp học tập:</p> <p>Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp</p> <p>Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.</p> <p>Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học.</p> <p>Điều kiện dạy và học:</p> <p>Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào</p>

				<p>giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học</p> <p>Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học</p> <p>Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại cơ quan nhà nước, doanh nghiệp cho sinh viên.</p> <p>Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các chương trình học trao đổi với các trường có hợp tác NCKH và giảng dạy với các điều kiện: tiếng Anh C1, có điểm trung bình từ 3 trở lên và đáp yêu cầu của trường đối tác, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Điều kiện xét cho sinh viên toàn trường từ năm 2 trở đi.</p>
Năm thứ Ba và năm thứ Tư	Các môn học thuộc khối kiến thức theo ngành	<p>Áp dụng các kiến thức cơ bản để phân tích, đánh giá tình hình kinh tế, tài chính, nhân sự, tổ chức, đầu tư và triển khai các công việc liên quan đến hành chính, báo cáo kinh tế, tài chính, đầu tư.</p> <p>Vận dụng kiến thức và</p>	<p>Có khả năng khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh;</p> <p>Năng lực tự học, tìm kiếm và xử lý thông tin đa chiều, quản lý thời gian cá nhân, phong cách làm việc chuyên nghiệp;</p>	<p>Phương pháp giảng dạy:</p> <p>Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học;</p> <p>Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.</p> <p>Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai...</p> <p>Nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án...</p> <p>Tham quan thực tế/ thực tập tại doanh nghiệp</p>

		<p>kỹ năng được học để giải thích được các nguyên tắc kinh tế, quản lý, các mối quan hệ kinh tế, quản lý trong các tổ chức, cũng như cơ sở để đánh giá một số vấn đề cơ bản trong vận hành bộ máy tổ chức.</p> <p>Vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách và pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế, đầu tư – kinh doanh;</p> <p>Vận dụng được kiến thức đã học của chuyên ngành để giải quyết các tình huống kinh tế, quản lý trong khu vực công và doanh nghiệp. Xử lý được cơ bản các tình huống liên quan đến</p>	<p>Khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động;</p> <p>Khát vọng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh</p> <p>Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy;</p>	<p>Phương pháp học tập:</p> <p>Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp</p> <p>Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.</p> <p>Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học.</p> <p>Tổ chức thực tập thực tế</p> <p>Điều kiện dạy và học:</p> <p>Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học.</p> <p>Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học</p> <p>Tổ chức các đợt thực tế theo nhu cầu học phần, thực tập tại doanh nghiệp, các cơ quan quản lý cho sinh viên.</p> <p>Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề thực tiễn do các chuyên gia thực tiễn đảm nhiệm nhằm tăng kiến thức thực tiễn, kết hợp giữa đào tạo với thực</p>
--	--	---	--	---

		<p>hành chính, tài chính, đầu tư, nhân sự, xử lý dữ liệu và đưa ra đánh giá. Trang bị kỹ năng làm việc độc lập, giao tiếp chuyên nghiệp và thuyết trình tự tin một vấn đề; sử dụng tốt tiếng Anh và công nghệ thông tin ứng dụng trong công việc hành chính, văn phòng tại tổ chức.</p> <p>Trang bị cho sinh viên các kỹ năng tư duy phản biện; kỹ năng lãnh đạo nhóm và thích nghi với những thay đổi nghề nghiệp trong tương lai.</p>		<p>tế.</p>
--	--	---	--	------------